| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **13**/2021/DS-ST
Ngày: 26 - 01 - 2021
V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Minh Quang;

Ông Đặng Hoàng Mích;

- ***Thư ký phiên Tòa****:* Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2020/TLST – DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần L**

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44 đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện Đ theo văn bản ủy quyền số 1395/QĐ – NHKL ngày 29/6/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần L (Có mặt).

Địa chỉ: Số 60 đường 30/4, Khu phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: 1/ Bà **Võ Thị D**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

2/ Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TL 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2020, bản tự khai ngày 15/12/2020 và trong quá trình xét xử, bà Phạm Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày như sau:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) L và bà Võ Thị D, ông Trần Văn Đ có kết ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: A940755/HĐTD-CC ngày 06/12/2019, theo đó Ngân hàng TMCP L cho bà D, ông Đ vay 40.000.000 đồng. Mục đích vay: Kinh doanh mua bán nhỏ. Lãi suất trong hạn 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay là 270 ngày, tính từ ngày 07/12/2019. Hình thức thanh toán: Trả gốc và lãi hằng ngày kể từ ngày 07/12/2019 đến ngày 01/9/2020 với số tiền 165.684 đồng/ngày, ngày cuối 165.184 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà D, ông Đ đã cầm cố tài sản gồm:

+ 01 xe Yamaha – Sirus, biển số 71C1 – 081.10, số khung C640CY810893, số máy: 5C64 – 810899, do bà Võ Thị D đứng giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ 01 xe máy Suzuki, biển số 71C1 – 395.48, số khung 11ANJV110017, số máy: CGA1509602 do ông Trần Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D, ông Đ đã trả cho Ngân hàng TMCP L đến ngày 25/5/2020 với số tiền là 32.639.727 đồng. Trong đó vốn gốc: 25.185.185 đồng, tiền lãi: 2.980.822 đồng, phí bảo lãnh: 4.473.720 đồng. Sau đó, ngày 16/11/2020 trả 2.964.567 đồng, ngày 14/12/2020 trả 3.000.000 đồng, ngày 29/12/2020 trả 3.640.000 đồng, ngày 20/01/2021 trả 1.000.000 đồng, còn nợ lại 5.963.673 đồng trong đó nợ gốc 5.332.440 đồng, lãi 631.233 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền: 5.963.673 đồng trong đó nợ gốc 5.332.440 đồng, lãi 631.233 đồng. Trường hợp bà D, ông Đ không trả số tiền trên thì Ngân hàng TMCP L được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng cầm cố số: A940755/HĐTD-CC ngày 06/12/2019 đối với xe Yamaha – Sirus, biển số 71C1 – 081.10, số khung C640CY810893, số máy: 5C64 – 810899, do bà Võ Thị D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và xe máy Suzuki, biển số 71C1 – 395.48, số khung 11ANJV110017, số máy: CGA1509602 do ông Trần Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe để Ngân hàng Thương mại cổ phần L thu hồi nợ và lãi phát sinh.

Ngân hàng TMCP L không yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ.

Đối với bà D, ông Đ vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử nên không thu thập được lời khai của ông bà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

** Về tố tụng:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vào ngày 06/12/2019 bà D, ông Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng số A940755/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP L. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà D, ông Đ trả số tiền còn nợ lại là 5.963.673 đồng gồm nợ gốc và lãi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng D sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận ngày 03/9/2020 của Công an xã T, huyện Đ tỉnh Bến Tre thì bà D và ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện còn đang sinh sống tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

[3]. Bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

**- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L yêu cầu bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 5.963.673 đồng trong đó nợ gốc 5.332.440 đồng, lãi 631.233 đồng.**

*[4]. Cơ sở chứng cứ:*

+ Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A940755/HĐTD-CC ngày 06/12/2019.

*[5]. Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A940755/HĐTD-CC ngày 06/12/2019 thì bà D và ông Đ đồng ý với các điều khoản của hợp đồng và đã nhận đầy đủ số tiền 40.000.000 đồng. Thời hạn vay 270 ngày, mục đích vay: kinh doanh buôn bán nhỏ, lãi suất vay trong hạn là 16%/năm. Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà D, ông Đ đã thực hiện hết quyền nhận tài sản nhưng không thanh toán nợ đầy đủ tiền vốn và lãi khi đến hạn trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu của Ngân hàng TMCP L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản cầm cố gồm:

+ 01 xe Yamaha – Sirus, biển số 71C1 – 081.10, số khung C640CY810893, số máy: 5C64 – 810899, do bà Võ Thị D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

+ 01 xe máy Suzuki, biển số 71C1 – 395.48, số khung 11ANJV110017, số máy: CGA1509602 do ông Trần Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A940755/HĐTD-CC ngày 06/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP L và bà Võ Thị D, ông Trần Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Nên có giá trị pháp lý ràng buộc đối với các bên. Do ông Đ, bà D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, nên căn cứ vào văn bản nêu trên thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng phù hợp, do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện Ngân hàng không yêu cầu tiếp tục tính lãi suất quá hạn của số tiền nêu trên.

** Về án phí D sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[7]. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà D, ông Đ phải liên đới chịu án phí với số tiền: 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L đối với bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ.

Buộc bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L 5.963.673 (Năm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng) trong đó nợ gốc 5.332.440 đồng, lãi 631.233 đồng.

Trường hợp bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ không trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng cầm cố số: A940755/HĐTD-CC ngày 06/12/2019 gồm 01 xe Yamaha – Sirus, biển số 71C1 – 081.10, số khung C640CY810893, số máy: 5C64 – 810899, do bà Võ Thị D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe máy Suzuki, biển số 71C1 – 395.48, số khung 11ANJV110017, số máy: CGA1509602 do ông Trần Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe để Ngân hàng Thương mại cổ phần L thu hồi nợ.

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí D sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Võ Thị D và ông Trần Văn Đ phải liên đới chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Ngân hàng Thương mại cổ phần L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 415.000 đồng (*Bốn trăm mười lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002220 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà D, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Hoàng Nhân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**